TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 199/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 304/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu:

- Chị **Trịnh Thị Hồng N**, sinh năm 1993.
- Anh **Đàm Minh L**, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ tại: Tổ dân phố 22 Lầm Đ, phường H1, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Hồng N và anh Đàm Minh L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2017, do Ủy ban nhân dân xã Phương T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (nay là phường H1, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 03/4/2017.

[2] Theo đơn yêu cầu ngày 14/6/2026 và tại Tòa án, chị Trịnh Thị Hồng N và anh Đàm Minh L giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng đối với cháu Đàm Minh Q, sinh ngày 16/10/2016; Về tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và thỏa thuận về lệ phí Tòa án.

[3] Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy: Chị Trịnh Thị Hồng N và anh Đàm Minh L thực sự tự nguyện ly hôn, tự nguyện thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung, thỏa thuận được về lệ phí tòa án. Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2026, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc dân sự.

[4] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Minh L và chị Trịnh Thị Hồng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Thỏa thuận, sau khi ly hôn giao cháu Đàm Minh Q, sinh ngày 16/10/2016 cho anh Đàm Minh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Trịnh Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, Luân và chị Nhung có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Đàm Minh L tự nguyện chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí anh L đã nộp theo biên lai số 0001440 ngày 24/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV4;
- THADS tỉnh;
- TAND tỉnh;
- UBND phường Hà Giang 1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phúc